

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/ 2020/KDTM-PT**

Ngày: 05 - 5 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2018/TLPT – KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do có kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần K; địa chỉ: 29 đường T, phường B, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Bạch T1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần K, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Trọng C – Chức vụ: Giám đốc Marketing vùng Tây Nguyên; địa chỉ: 170 Đường C1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Ông Phan Vĩnh N, sinh năm 1989; địa chỉ: 170 Đường C1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Thành N1 và ông Đàm Quốc C1 – Luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. **Bị đơn:** Hộ kinh Doanh TP; địa chỉ: Thôn 3, xã T3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn K1 - Chủ hộ kinh doanh (Đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Trần Thị Nh (có mặt); anh Lâm Tiến P, chị Lâm Thị Th (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn khi ông Lâm Văn K1 còn sống:

- Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 3, xã T3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 4, xã T3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Mai H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Mai H, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 3, xã T3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (bà Nh cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - có mặt).

3.2. Anh Lâm Tiến P, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 3, xã T3, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lâm Tiến P: Bà Trần Thị Nh.

4. Người tham gia tố tụng khác: Công ty Kiểm toán tư vấn thuế A; Địa chỉ: Lô 92 đường X1, quận H1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp: ông Trương Văn M – Phó tổng giám đốc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C trình bày :

Hộ kinh Doanh TP có ký hợp đồng mua bán thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng với Công ty cổ phần K từ tháng 11/2013. Đến tháng 6/2016 Hộ kinh doanh này có nhiều vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng nên Công ty đã ngưng cung cấp hàng hóa và trong khi đó hộ kinh doanh vẫn còn nợ tiền Công ty với số tiền 2.422.240.965đ, bao gồm: 2.068.032.473đ tiền mua thuốc BVTV và 354.208.292đ tiền mua bắp giống. Theo biên bản xác nhận nợ đến ngày 30/9/2016 ký ngày 09/10/2016 như sau:

- Tiền thuốc BVTV: Hộ kinh Doanh TP nợ 2.068.032.473đ tiền mua thuốc BVTV.

- Tiền hạt giống ngô: Hộ kinh Doanh TP nợ 354.208.292đ tiền mua bắp giống.

Từ tháng 10/2016 cho đến nay Hộ kinh Doanh TP không trả số tiền trên cho Công ty và cố tình tìm mọi cách để không thực hiện trả nợ và đòi chiếu công nợ tiếp

theo. Hơn nữa vào các ngày 24/3/2017, 18/4/2017 và ngày 12/5/2017 Công ty đã mời Hộ kinh Doanh TP làm việc để có kế hoạch thanh toán công nợ nhưng Hộ kinh Doanh TP cũng tìm cách để chối từ thanh toán nợ.

Việc Hộ kinh Doanh TP không trả nợ đã gây cho Công ty cổ phần K nhiều khó khăn và thiệt hại. Do vậy, nay Công ty đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Hộ kinh Doanh TP gồm các thành viên là ông Lâm Văn K1, bà Trần Thị Nh, ông Lâm Tiến P phải trả cho Công ty cổ phần K số tiền là 2.422.240.965đ và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 09/10/2016 đến ngày 09/8/2017 là 181.668.072đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Công ty cổ phần K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng bằng việc giao trả cho Hộ kinh Doanh TP 315 mặt hàng còn thiếu với giá trị 13.303.458.122đ, thì Công ty cổ phần K không đồng ý; Bởi lẽ, hàng tháng các bên có đối chiếu công nợ với nhau về các nội dung sau: Số dư công nợ đầu kỳ, hàng hóa bán trong kỳ, thanh toán trong kỳ và chốt nợ; việc giao nhận hàng hóa Công ty căn cứ vào sổ giao nhận hàng hóa (05 cuốn của Công ty và 03 cuốn của Hộ kinh Doanh TP mà Công ty đã giao nộp cho Tòa án), về các biên bản giao nhận hàng hóa thì hai bên đã tổng hợp và ghi lại vào các sổ giao nhận hàng hóa trên.

Theo đơn phản tố ngày 28/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Nh trình bày:

Hộ kinh Doanh TP và Công ty cổ phần K có ký các hợp đồng mua bán như Công ty trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo điểm 4, 5 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 02-DL/2014/HĐNT-NOD đã ký kết ngày 01/10/2014 giữa Công ty cổ phần K và Hộ kinh Doanh TP, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Hộ kinh Doanh TP có nhận hàng theo biên bản giao nhận, giấy ký nhận và các chứng từ ký nhận như giấy viết tay giao cho tài xế, sổ giao nhận giữa hai bên. Nhưng thực tế số hàng mà Hộ kinh Doanh TP đã nhận không đủ so với số hóa đơn đỏ đã xuất ra của Công ty (thể hiện rõ trên hóa đơn đỏ không có ký nhận của Hộ kinh Doanh TP).

Về thời hiệu đối với yêu cầu phản tố: Sau khi các bên chưa thống nhất về việc giao nhận hàng hóa thì Hộ kinh Doanh TP đã có khiếu nại do vậy vào ngày 12/5/2017 đại diện Công ty cổ phần K họp giải quyết khiếu nại với Hộ kinh Doanh TP về vấn đề này. Như vậy, Hộ kinh Doanh TP đã có khiếu nại và Công ty cổ phần K đã chấp nhận giải quyết khiếu nại.

Tính từ ngày 01/11/2013 đến 30/8/2016, Công ty cổ phần K còn giao thiếu hàng cho Hộ kinh Doanh TP so với hóa đơn GTGT đã xuất là 315 mặt hàng với tổng trị giá là 13.303.458.122đ.

Nay Công ty cổ phần K yêu cầu Hộ kinh Doanh TP trả số tiền nợ gốc số tiền 2.422.240.965đ, bao gồm: 2.068.032.473đ tiền mua thuốc BVTV và 354.208.292đ tiền mua bắp giống thì ý kiến của Hộ kinh Doanh TP như sau:

- Hộ kinh Doanh TP không đồng ý trả số tiền 354.208.292đ tiền mua bắp giống vì: Theo sổ giao nhận hàng từ ngày 11/5/2015 thì Công ty cổ phần K đã chuyển số tiền này sang sổ giao nhận thuốc BVTV nên Hộ kinh Doanh TP không còn nợ Công ty số tiền này nữa.

- Hộ kinh Doanh TP đồng ý trả số tiền 2.068.032.473đ tiền mua thuốc BVTV, nhưng không đồng ý trả lãi suất với điều kiện Công ty cổ phần K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng bằng việc giao trả cho Hộ kinh Doanh TP 315 mặt hàng với tổng trị giá là 13.303.458.122đ.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Huỳnh Văn Th trình bày: Ông là người làm thuê cho Đại lý TP, ông được Đại lý giao nhiệm vụ đi giao hàng và nhận hàng về cho Đại lý. Ông có nhận hàng của Công ty cổ phần K – Chi nhánh Đắc Lắc (viết tắt là Công ty K) từ khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 7/2016, khi nhận hàng thì ông sẽ kiểm tra hàng thực tế nhận (trong đó kiểm tra loại mặt hàng và số lượng hàng) với biên bản giao nhận hàng và ông cho rằng mỗi lần nhận hàng ông đều có ký nhận vào biên bản giao nhận.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Nguyễn Tấn C2 trình bày: Ông là người làm thuê cho Đại lý TP từ đầu năm 2014 đến nay, ông được Đại lý giao nhiệm vụ đi giao hàng và nhận hàng của các Đại lý khác và Công ty K. Mỗi lần nhận hàng từ Công ty K thì ông đều ký vào biên bản giao nhận hàng, trong biên bản giao nhận thể hiện rõ số lượng hàng nhận thực tế, do đó khi nhận hàng sẽ không có trường hợp là không ký vào biên bản giao nhận hàng hóa.

Theo bản tự khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Th2 trình bày: Từ năm 2013 đến nay, bà được Đại lý TP giao nhiệm vụ làm công việc bán hàng, trong quá trình bán hàng thì bà cũng được giao nhiệm vụ nhận hàng của Đại lý TP, mỗi lần nhận hàng bà đều ký vào biên bản giao nhận hàng đầy đủ.

Theo bản tự khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Nhật T trình bày: Bà làm nhân viên kế toán bán hàng của Đại lý TP từ tháng 10/2014 đến tháng 8/2015, hiện nay bà không làm việc cho Đại lý nữa. Trong thời gian làm việc cho Đại lý TP thì chức năng, nhiệm vụ chính của bà là nghe điện thoại và lên toa hàng; bà chưa bao giờ tham gia kiểm đếm hàng hóa hay nhận hàng của Công ty K nên việc số lượng hàng hóa mà Đại lý nhận từ Công ty thì bà không biết. Tuy nhiên, bà có vài lần ký nhận vào sổ giao nhận hàng và biên bản giao nhận hàng, nhưng mỗi lần ký nhận đều có sự chỉ đạo của bà Trần Thị Nh (là vợ ông K1). Ngoài ra, bà được biết là khi giao hàng thì có lúc Công ty K giao hàng trực tiếp tại kho của Đại lý TP, có lúc thì Đại lý TP lên chi nhánh của Công ty nhận hàng.

Theo bản tự khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị H4 trình bày: Bà làm nhân viên phụ trách giống cây trồng chi nhánh Công ty cổ phần K tại Đắc Lắc từ năm 2013 đến 09/2015. Trong quá trình làm việc với Hộ kinh Doanh TP thì bà có

làm sổ sách với Hộ kinh Doanh TP từ năm 2013, trong quá trình giao nhận hàng thì bà có đối chiếu sổ sách với Hộ kinh Doanh TP. Khi giao nhận hàng bên Hộ kinh Doanh TP có bà Trần Thị Nh và con trai là anh Lâm Tiến P kiểm đếm hàng hóa đầy đủ, sau đó vào sổ của hai bên ký xác nhận và trong tháng bà có đối chiếu công nợ để xác nhận đối chiếu trong các lần giao nhận hàng. Quá trình đối chiếu sổ sách công nợ từ năm 2013 đến tháng 09/2016 Hộ kinh Doanh TP không có thắc mắc gì. Vì vậy, việc Hộ kinh Doanh TP cho rằng chưa nhận đủ hàng trong khi đã kiểm hàng, nhận hàng và ký vào sổ giao nhận hàng là không đúng sự thật.

Theo các bản tự khai của người làm chứng ông Hồ Văn Th3, ông Đậu Bá N2, ông Nguyễn Trọng Th4 đều trình bày: Ông Th3, ông N2, ông Th4 đều là lái xe của Chi nhánh Công ty cổ phần K tại Đắk Lắk, trong quá trình làm việc thì đã nhiều lần chở hàng (thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống nông sản) của Công ty giao cho Hộ kinh Doanh TP. Quá trình chở hàng đến giao như sau: Khi nhận được lệnh bốc hàng của Công ty để đi giao hàng cho Hộ kinh Doanh TP thì bắt đầu lái xe xuống kho của Chi nhánh Công ty bốc đủ số lượng hàng cần giao, sau đó chở hàng xuống Hộ kinh Doanh TP để giao, khi giao hàng thì có người nhận là anh Lâm Tiến P, bà Trần Thị Nh. Khi bốc hàng xuống thì bà Nh, anh P kiểm, đếm số lượng hàng, sau đó bà Nh anh P báo kết quả cho kế toán của Hộ kinh Doanh TP vào sổ và nhập giữ liệu vào máy, song bà Nh anh P ký vào sổ giao nhận hàng của Công ty và đại diện của Công ty cũng ký vào sổ của Hộ kinh Doanh TP. Trường hợp, bà Nh, anh P không ký nhận hàng thì sẽ chở hàng lại về công ty. Do vậy, việc Hộ kinh Doanh TP cho rằng chưa nhận đủ hàng trong khi đã kiểm hàng, nhận hàng và ký vào sổ giao nhận hàng là không đúng sự thật.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Phan Vĩnh N trình bày: Ông giữ chức vụ Sales Admin phụ trách các công việc tại Chi nhánh Công ty cổ phần K tại Đắk Lắk như sau: Tiếp nhận đơn hàng hóa từ khách hàng hoặc nhân viên sales bằng điện thoại; ra lệnh xuất hàng, ra hóa đơn vào sổ hộ kinh doanh giao cho thủ kho xuất hàng và điều lái xe giao hàng theo lệnh xuất hàng. Công ty tiến hành giao dịch với Hộ kinh Doanh TP từ ngày 01/10/2013 đến tháng 09/2016. Vào những tháng đầu giao dịch thì ông có tiếp nhận đơn hàng từ Hộ kinh Doanh TP hoặc sale bán hàng chi nhánh, sau đó tiến hành xuất lệnh, hóa đơn vào sổ Hộ kinh Doanh TP, giao lái xe đi giao hàng. Tính từ thời điểm bắt đầu giao dịch đến ngày 01/01/2014 số lượng hàng hóa tương ứng với hóa đơn tiến hành giao trực tiếp cho Hộ kinh Doanh TP và Hộ kinh doanh có xác nhận bằng chữ ký trong sổ giao nhận hàng.

Ngoài trường hợp giao hàng trực tiếp như trên thì từ ngày 02/01/2014 Công ty có gửi hàng trước sau đó xuất hóa đơn sau; lượng hàng gửi được ghi ở cột ghi chú của sổ giao nhận hàng hóa có ký nhận của hai bên, sau một vài ngày sau sẽ tiến hành ra hóa đơn lượng hàng gửi và sẽ gạch lượng hàng gửi bên cột ghi chú đi và vào sổ

hóa đơn hàng gửi giao cho nhân viên sales xuống làm sổ với Hộ kinh Doanh TP.

Đối với các hóa đơn đã xuất nhưng chưa giao hàng cho Hộ kinh Doanh TP thì sẽ ghi vào cột ghi chú là hàng Hộ kinh Doanh TP gửi kho Chi nhánh và Chi nhánh sẽ tiến hành trả hàng vào thời điểm Hộ kinh doanh yêu cầu. Việc trả hàng cũng được thể hiện ở cột ghi chú và được Hộ kinh doanh xác nhận đủ hàng.

Việc giao nhận hàng hóa với Hộ kinh Doanh TP sẽ có phương thức chung là trực tiếp và gián tiếp: Trực tiếp là khi lượng hàng hóa xuất đi tương ứng với hóa đơn giao xuống cho Hộ kinh Doanh TP được Hộ kinh doanh xác nhận đã nhận đủ hàng tại sổ giao nhận hàng. Gián tiếp là khi Hộ kinh Doanh TP lên nhận hàng tại kho chi nhánh được thể hiện bằng biên bản giao nhận hàng và sẽ được ghi vào sổ ở cột ghi chú là hàng gửi Hộ kinh Doanh TP nhận tại kho Chi nhánh.

Việc Hộ kinh Doanh TP cho rằng chưa nhận đủ hàng trong khi đã kiểm hàng, nhận hàng và ký vào sổ giao nhận hàng là không đúng sự thật.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Không Văn Nh trình bày: Từ năm 2013 đến tháng 02/2017 ông Nh giữ chức vụ Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần K tại Đắk Lắk. Trong quá trình làm việc với Hộ kinh Doanh TP ông có làm sổ sách và đối chiếu sổ sách trong quá trình giao nhận hàng hóa với Hộ kinh Doanh TP. Khi giao nhận hàng bên Hộ kinh doanh có bà Trần Thị Nh và con trai là anh Lâm Tiến P kiểm đếm hàng đầy đủ, sau đó vào sổ của 02 bên có ký xác nhận và trong tháng các bên đều đối chiếu công nợ để xác nhận đối chiếu trong các lần giao nhận hàng. Quá trình đối chiếu sổ sách từ năm 2013 đến tháng 09/2016 Hộ kinh Doanh TP không có thắc mắc gì. Vì vậy, việc Hộ kinh Doanh TP cho rằng chưa nhận đủ hàng trong khi đã kiểm hàng, nhận hàng và ký vào sổ giao nhận hàng là không đúng sự thật.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Nguyễn Trọng Th4 trình bày: Trong Công ty K – chi nhánh Đắk Lắk thì ông được giao nhiệm vụ làm thu kho tại chi nhánh. Đối với quy trình xuất hàng cho Hộ kinh Doanh TP như sau: Khi nhận được lệnh xuất hàng của Sale Admin hoặc Giám đốc chi nhánh xuất hàng cho Hộ kinh Doanh TP thì ông căn cứ vào lệnh xuất hàng để xuất hàng cho tài xế chi nhánh đi giao hàng cho Hộ kinh Doanh TP. Trước khi chở hàng đi giao thì ông và tài xế xe kiểm đếm hàng đúng như số lượng lệnh xuất hàng và cho tài xế ký vào lệnh xuất hàng. Trường hợp, Hộ kinh Doanh TP lên kho Chi nhánh Công ty nhận hàng trực tiếp thì ông xuất đúng số lượng hàng theo lệnh xuất hàng cho Hộ kinh Doanh TP; hai bên kiểm tra hàng đầy đủ và ký vào biên bản giao nhận hàng hóa, mỗi bên giữ 01 bản. Sau đó, ông đưa biên bản giao nhận cho Sale Admin hoặc ông Không Văn Nh để Sale Admin hoặc ông Nh đối chiếu, lập sổ sách với Hộ kinh Doanh TP sau.

Với nội dung nêu trên tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định

Căn cứ vào Điều 37, Điều 38, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 54, Điều 55, Điều 319 Luật thương mại; Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 437 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 2.422.240.965 đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 09/10/2016 đến ngày 17/5/2018 là 331.847.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi Hộ kinh Doanh TP trả nợ xong.

- Chấp nhận một phần đơn phản tố của bị đơn đối với việc yêu cầu nguyên đơn giao trả lại số hàng giao còn thiếu từ ngày 05/9/2015 đến ngày 12/7/2016 (tổng 69 hóa đơn) với giá trị là 4.252.231.399 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với việc yêu cầu buộc nguyên đơn giao trả lại toàn bộ hàng hóa mà Công ty đã giao thiếu cho Hộ kinh Doanh TP trước ngày 05/9/2015 với giá trị là 9.051.226.723 đồng.

Tuyên xử:

Buộc Hộ kinh Doanh TP trả cho Công ty cổ phần K số tiền nợ gốc là 2.422.240.965đ và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 09/10/2016 đến ngày 17/5/2018 là 331.847.000đ và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả nợ xong.

Buộc Công ty cổ phần K trả cho Hộ kinh Doanh TP 69 mặt hàng còn thiếu từ ngày 05/9/2015 đến ngày 12/7/2016 theo các số hóa đơn:

Stt	Số Hóa đơn	Ngày Hóa đơn	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	1107	10/9/2015	Ridomil Gold 68WP 100g	7000	43.785	306.495.000
2	1109	10/9/2015	Anvil 5SC 250ml	800	62.265	49.812.000
3	1142	15/9/2015	Revus Opti 440SC 100ml	350	53.547	18.741.450
4	1203	14/10/2015	Trigard 100SL 10ml	1.500	13.821	20.731.500
5	1257	26/10/2015	Tervigo 20SC 100ml	2.000	61.000	122.000.000
6	1300	30/10/2015	Nominee 10SC 20ml	4.000	35.125	140.500.000
7	1372	04/11/2015	Ridomil Gold 68WP 100g	10.000	45.300	453.001.500
8	1372	04/11/2015	Tervigo 20SC 100ml	300	61.000	18.299.925

9	1373	05/11/2015	Tervigo 20SC 100ml	2.000	61.000	122.000.000
10	1400	11/11/2015	Tervigo 20SC 100ml	1.000	61.000	60.999.750
11	1400	11/11/2015	Ridomil Gold 68WP 100g	3.000	45.300	135.900.450
12	1715	17/12/2015	Nominee 10SC 20ml	4.000	35.700	142.800.000
13	1716	17/12/2015	Anvil 5SC 100ml	300	27.000	8.099.910
14	1716	17/12/2015	Anvil 5SC 250ml	200	65.000	13.000.050
15	1716	17/12/2015	Dual Gold 960EC 50ml	800	32.600	26.080.320
16	1736	21/12/2015	Ridomil Gold 68WP 100g	1.000	45.300	45.300.150
17	1736	21/12/2015	Karate 2.5EC 250ml	800	46.600	37.280.040
18	1736	21/12/2015	Karate 2.5EC 50ml	2.000	11.500	22.999.200
19	1742	22/12/2015	Anvil 5SC 1lit	360	238.000	85.680.126
20	1781	26/12/2015	Ridomil Gold 68WP 100g	2.000	45.300	90.600.300
21	1781	26/12/2015	Ridomil Gold 68WP 1kg	100	440.000	44.000.040
22	1783	27/12/2015	Ridomil Gold 68WP 1kg	200	440.000	88.000.080
23	264	15/02/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	1.000	45.300	45.300.150
24	264	15/02/2016	Anvil 5SC 100ml	500	27.000	13.499.850
25	264	15/02/2016	Anvil 5SC 250ml	200	65.000	13.000.050
26	264	15/02/2016	Karate 2.5EC 250ml	200	46.600	9.320.010
27	335	19/02/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	2.800	45.300	126.840.420
28	335	19/02/2016	Dual Gold 960EC 50ml	800	32.600	26.080.320
29	351	19/02/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	5.000	45.300	226.500.750
30	351	19/02/2016	Anvil 5SC 250ml	800	65.000	52.000.200
31	351	19/02/2016	Karate 2.5EC 250ml	800	46.600	37.280.040
32	351	19/02/2016	Karate 2.5EC 50ml	2.000	11.500	22.999.200
33	360	20/02/2016	Tervigo 20SC 500ml	100	300.000	29.999.970
34	360	20/02/2016	Champion 57.6DP 60g	750	16.200	12.150.338
35	373	20/02/2016	Anvil 5SC 1 lit	180	238.000	42.840.063

36	657	09/4/2016	Anvil 5SC 100ml	500	25.714	12.857.000
37	657	09/4/2016	Champion 57.6DP 60g	750	15.429	11.571.750
38	657	09/4/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	2.000	43.143	86.286.000
39	657	09/4/2016	Marshal 5G 1Kg	240	60.952	14.628.480
40	657	09/4/2016	Tervigo 20SC 100ml	2.000	59.553	119.106.000
41	691	28/4/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	1.700	45.300	77.010.255
42	691	28/4/2016	Tervigo 20SC 100ml	1.000	61.000	66.999.750
43	691	28/4/2016	Marshal 200SG 500ml	400	112.000	44.800.140
44	691	28/4/2016	Selecron 500EC 100ml	2.000	35.600	71.200.500
45	860	12/5/2016	Champion 57.6DP 60g	750	16.200	12.150.338
46	860	12/5/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	2.000	45.300	90.600.300
47	860	12/5/2016	Tervigo 20SC 100ml	800	61.000	48.799.800
48	1056	10/6/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	1.000	45.300	45.300.150
49	1057	10/6/2016	Michelle 62EC 100ml	1.000	25.001	25.000.500
50	1113	21/6/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	500	45.300	22.650.075
51	1113	21/6/2016	Tervigo 20SC 100ml	1.000	61.000	60.999.750
52	1113	21/6/2016	Marshal 200SG 500ml	100	112.000	11.200.035
53	1113	21/6/2016	Marshal 5G 1Kg	20	305.000	6.099.996
54	1283	24/6/2016	Dual Gold 960EC 50ml	1.000	34.436	34.436.000
55	1283	24/6/2016	Selecron 500EC 100ml	500	37.294	18.647.000
56	1283	24/6/2016	Nevo 330EC 10ml	480	12.435	5.968.800
57	1283	24/6/2016	Voliam Targo 20ml	240	28.817	6.916.080
58	1283	24/6/2016	Vista 72.5 WP 50g	120	27.578	3.309.360
59	1283	24/6/2016	Tervigo 20SC 100ml	5.000	61.484	307.420.000
60	1283	24/6/2016	Ridomil Gold 68WP 1kg	210	422.436	88.711.560
61	1334	25/6/2016	Ridomil Gold 68WP 100g	1.300	45.300	58.890.195
62	1334	25/6/2016	Anvil 5SC 1 lít	240	238.000	57.120.084

63	1342	28/6/2016	Ridomil Gold 68WP 1kg	100	440.000	44.000.040
64	1342	28/6/2016	Anvil 5SC 100ml	300	27.000	8.099.910
65	1342	28/6/2016	Anvil 5SC 250ml	120	65.000	7.800.030
66	1425	05/7/2016	Champion 57.6DP 60g	1.500	16.201	24.301.500
67	1425	05/7/2016	Marshal 5G 1Kg	480	64.000	30.719.808
68	1430	07/7/2016	Marshal 200SG 500ml	200	112.000	22.400.000
69	1447	12/7/2016	Tervigo 20SC 500ml	10	300.000	2.999.997
Tổng giá trị (69 Hóa đơn):						4.252.231.399

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm: Ngày 28 và 31 Tháng 5 năm 2018 bà Trần Thị Nh và ông Lâm Văn K1 là chủ Hộ kinh Doanh TP làm đơn kháng cáo với nội dung. Đề nghị xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án, vì theo ông K1 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn đối với toàn bộ giao dịch thông qua 03 hợp đồng đã được ký kết giữa 02 bên, đồng thời đề nghị xem xét lại việc tính lãi suất của số tiền mà Hộ kinh Doanh TP còn thiếu của Công ty cổ phần K;

Ngày 31 Tháng 5 năm 2018 ông Nguyễn Trọng C là người được đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần K (viết tắt là K) ủy quyền tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm kháng cáo bản án với nội dung. Đề nghị xem xét lại thời hiệu khởi kiện vụ án vì theo ông C thời hiệu khởi kiện đã hết, (BL 535).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Nguyên đơn, Bị đơn không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần K đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lâm Văn K1 là chủ Hộ kinh Doanh TP, chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần K. Sửa bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Hộ kinh Doanh TP; Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh TP đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần K, chấp nhận kháng cáo của Hộ kinh Doanh TP;

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận chấp đơn kháng cáo của Hộ kinh Doanh TP; chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Lâm Văn K1 là chủ Hộ kinh Doanh TP chết do vậy tòa án cấp phúc thẩm đưa vợ và các con ông K1 vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông K1.

[1.2] Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của 02 bên đương sự tại phiên tòa có đủ căn cứ để khẳng định. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 6 năm 2016 giữa Hộ kinh Doanh TP và Công ty Cổ phần K có ký kết với nhau 03 hợp đồng kinh tế về việc mua bán thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng, cụ thể:

Hợp đồng số 27/K/HĐNT/2013 ngày 01/10/2013. (BL135)

Hợp đồng số 02/ DL/ 2014/HĐNT/NOD ngày 01/10/2014. (BL 125)

Hợp đồng số 37/ DL/ 2016/HĐNT/NOD ngày 01/10/2016. (BL130)

Theo các điều khoản quy định về hiệu lực của 03 hợp đồng nêu trên hợp đồng có quy định “*Hợp đồng này chỉ chính thức hết hiệu lực khi hai bên đã quyết toán xong toàn bộ hàng hóa và công nợ được xác định trong biên bản thanh lý hợp đồng*”. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên thể hiện 02 bên chưa làm các thủ tục quyết toán và thanh lý các hợp đồng, tại bản khai ngày 22 tháng 9 năm 2017 (BL367) và tại phiên tòa hôm nay ông C thừa nhận “Trước khi ký kết hợp đồng mới và chấm dứt hợp đồng cũ thì hai bên không đối chiếu lại công nợ cũ cũng như thanh quyết toán quá trình mua bán hàng hóa với nhau. Như vậy: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là đúng.

[1.3] Cũng tại các biên bản đối chiếu công nợ, hàng hóa nêu trên các bên không thống nhất được số hàng đã giao nhận do vậy ý kiến chung là “thống nhất đưa ra các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật” (BL 262).

Ngày 29 tháng 6 năm 2017 Công ty cổ phần K căn cứ vào 03 biên bản làm việc giữa 02 bên để kiện đòi Hộ kinh Doanh TP số tiền còn thiếu theo 03 hợp đồng đã ký kết.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, Hộ kinh Doanh TP có yêu cầu phản tố đòi Công ty cổ phần K số hàng giao còn thiếu theo 03 hợp đồng đã ký kết. Do 02 bên không thống nhất được theo 03 biên bản, khi đối chiếu công nợ, hàng hóa của 03 hợp đồng (*tổng số hàng hóa giao còn thiếu từ 09/01/2014 đến 12/7/2016 của 312 hóa đơn có 315 mặt hàng giá trị là 13.303.485.112 đồng*). Theo Hộ kinh Doanh TP cho rằng số

hàng trên Hộ kinh Doanh TP đã trả tiền và Công ty cổ phần K đã xuất hóa đơn nhưng chưa giao hàng, bởi vì tại sổ giao nhận hàng hóa chưa có chữ ký của Hộ kinh Doanh TP.

Xét về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy sau khi bị đơn có yêu cầu phản tố về số lượng hàng hóa mà nguyên đơn giao còn thiếu, bên nguyên đơn có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định về thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật dân sự và Điều 184 Bộ Luật tố tụng dân sự. Xét thấy: Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên tranh chấp nhau về hàng và tiền trong việc thực hiện các hợp đồng đều chưa được thanh lý, do vậy bản án sơ thẩm cho rằng hết thời hiệu khởi kiện đối với các giao dịch của 02 bên trước ngày 05/9/2015 là không đúng với các quy định của pháp luật.

Tuy nhiên về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đề cập bởi lẽ; việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Hộ kinh Doanh TP có yêu cầu phản tố để thụ lý quan hệ pháp luật là tranh chấp hàng hóa là không đúng. Đáng lẽ ra trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét và coi yêu cầu của Hộ kinh Doanh TP là việc “phản đối” do vậy nếu có căn cứ Công ty cổ phần K còn giao thiếu hàng thì buộc phải giao hàng cho Hộ kinh Doanh TP vì đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm sẽ trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho Hộ kinh Doanh TP, và sẽ xem xét các chứng cứ liên quan kể từ khi 02 bên ký kết và thực hiện hợp đồng.

[2]. Xét thấy: Sau quá trình hơn 03 năm thực hiện 03 hợp đồng nêu trên, chính thức ngày 24 tháng 3 năm 2017 giữa 02 bên đã có biên bản hợp giải quyết công nợ sau đó vào các ngày 18/4/2017 và 12/5/2017 [BL 260,261,262], các bên tiếp tục có buổi làm việc để giải quyết công nợ và số lượng hàng hóa đã giao nhận, và số tiền theo 03 hợp đồng đã được các bên ký kết. Tại các biên bản nêu trên đều thể hiện tổng số tiền theo hóa đơn mà phía Công ty cổ phần K đã xuất cho Hộ kinh Doanh TP từ tháng 11 năm 2013 đến 30/9/2016 K đã xuất bán hàng nông dược cho đại lý tổng cộng hơn 45 tỷ đồng (chính xác là 45.931.179173 đồng) Hộ kinh Doanh TP đã thanh toán cho Công ty cổ phần K tổng cộng 43.863.147.240 đồng còn thiếu 2.068.032.473 đồng. Như vậy Bản án sơ thẩm xác định Hộ kinh Doanh TP còn nợ của Công ty cổ phần K số tiền 2.422.240.965 đồng (Trong đó 2.068.032.473 đồng tiền đã xác nhận công nợ và 354.208.292 đồng tiền mua bắp giống) theo các biên bản đối chiếu về nợ về tiền là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đều thừa nhận số tiền còn nợ như Quyết định của Bản án sơ thẩm

[4] Xét về việc đánh giá chứng cứ về tranh chấp hàng hóa giữa hai bên thì thấy:

Sau khi tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án đã thực

hiện việc thu thập xác minh chứng cứ đó là triệu tập các bên đối chất để làm rõ số lượng hàng các bên đã giao nhận: tuy nhiên phía bên nguyên đơn từ chối tham gia đối chất, Tòa án cấp sơ thẩm cũng yêu cầu các bên cung cấp bản gốc hoặc phô tô có xác nhận của các bên tuy nhiên việc này cũng chưa thực hiện được (phía nguyên đơn từ chối đối chất).

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã ủy thác cho tòa cấp sơ thẩm thực hiện việc đối chất (đối chiếu) giữa các đương sự để làm rõ nội dung trong các sổ giao nhận hàng hóa được xác nhận giữa 02 bên để từ đó xác định số lượng hàng hóa các bên đã thừa nhận có giao nhận, và xác định hàng hóa mà các bên còn tranh chấp. Đồng thời yêu cầu các bên giao nộp sổ giao nhận hàng hóa là bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của các bên.

Các bên đều thừa nhận việc giao nhận hàng hóa 02 bên đều có sổ giao nhận hàng hóa về số hóa đơn cũng như số hàng hóa của từng hóa đơn, và số tiền của từng hóa đơn, đồng thời các bên mặc dù chưa cùng nhau thanh lý các hợp đồng nhưng hai bên đều thừa nhận có thường xuyên định kỳ hàng tháng, hàng quý đều có đối chiếu sổ sách và xác nhận công nợ và không có tranh chấp gì về tổng số hàng hóa đã thể hiện trong 05 sổ giao nhận hàng hóa là 45.931.179.713 đồng, chỉ khi Công ty cổ phần K kiện đòi số tiền Hộ kinh Doanh TP còn thiếu thì Hộ kinh Doanh TP mới yêu cầu Công ty cổ phần K giao hàng còn thiếu. Như vậy qua xem xét đánh giá toàn bộ chứng cứ và quá trình đối chiếu công nợ giữa 02 bên thấy rằng không có căn cứ để khẳng định phía Công ty cổ phần K chưa giao đủ hàng cho Hộ kinh Doanh TP. *Do vậy ý kiến và chứng cứ của Hộ kinh Doanh TP cho rằng; Hộ kinh Doanh TP chưa ký nhận hàng hóa trong sổ giao hàng đối với 312 hóa đơn có 315 mặt hàng nên yêu cầu Công ty cổ phần K phải giao đủ hàng là không có căn cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Công ty kiểm toán cho rằng tại báo cáo kiểm toán xác định được tổng số hàng hóa không có biên bản giao nhận là 12.456.360.635 đồng. Tuy nhiên ý kiến của đại diện Công ty kiểm toán cũng thừa nhận chưa có đủ căn cứ để xác định trên thực tế các bên đã giao, nhận hàng chưa? Và chỉ xác nhận trên hồ sơ là chưa có biên bản giao nhận.

Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên xét thấy đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Yêu cầu của Bị đơn và kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Đơn kháng cáo của Hộ kinh Doanh TP không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần K.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Hộ kinh Doanh TP.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào Điều 37, Điều 38, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 54, Điều 55, Điều 319 Luật thương mại; Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 437 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 2.422.240.965 đồng và phải trả số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 09/10/2016 đến ngày 17/5/2018 là 331.847.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi Hộ kinh Doanh TP trả nợ xong.

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đối với việc yêu cầu nguyên đơn giao trả lại số hàng giao còn thiếu từ ngày **09/01/2014 đến ngày 12/7/2016 (trong tổng số 312 hóa đơn có 315 mặt hàng giá trị là 13.303.485.112 đồng).**

- Buộc Hộ kinh Doanh TP trả cho Công ty cổ phần K số tiền nợ gốc là 2.422.240.965đ và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 09/10/2016 đến ngày 17/5/2018 là 331.847.000đ và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả nợ xong.

2. Án phí: Hộ kinh Doanh TP phải chịu án phí phúc thẩm, số tiền 2.000.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007379 ngày 11/6/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Công ty cổ phần K không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần K số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007367 ngày 07/6/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, và số tiền 42.105.500đ (*Bốn mươi hai triệu, một trăm lẻ năm ngàn, năm trăm đồng*) mà Công ty đã nộp theo biên lai thu số 0002330 ngày 07/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu trữ, HSVÀ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành